

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HSST

Ngày: 07/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Phùng.

- Ông Đoàn Văn Lắm.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Công Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2017/HSST, ngày 25/7/2017 đối với bị cáo:

Phạm Văn L, sinh năm 1981 tại tỉnh Bến Tre.

Đăng ký thường trú: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Tài xế (làm thuê).

Trình độ văn hóa: 8/12.

Con bà Phạm Thị S, sinh năm 1957, họ và tên cha: không rõ.

Có vợ là Thái Thị Thanh N, sinh năm 1984 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 06 ngày 24/5/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Văng Đắc T, sinh năm 1985.

Trú tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Dương Văn P, sinh năm 1975 (xin vắng mặt).

Trú tại: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện hợp pháp cho người bị hại Văng Đắc T:

Bùi Thị T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Phạm Thị S, sinh năm 1952 (có mặt).

Cùng trú tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại Văng Đắc

T: Trợ giúp viên pháp lý Võ Vũ L thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn dân sự:

Trà Văn L, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Trú tại: ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phạm Thị H, sinh năm 1958 (xin vắng mặt).

Trú tại: ấp X, xã H, huyện Châu T, tỉnh Bến Tre.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Văn L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 11/12/2016 Phạm Văn L điều khiển xe ô tô tải biển số 71T-xxxx tải trong 3.000kg lưu thông trên tỉnh lộ 882 theo hướng từ cầu Ông T ra quốc lộ 60. Khi đến khu vực ấp C, xã T, L thấy phía trước có khoảng 2 đến 3 xe mô tô lưu thông cùng chiều và ở bên phần đường bên trái có Văng Đắc T, sinh năm 1985, điều khiển xe mô tô biển số 66L7-xxxx chở sau Dương Văn P, sinh năm 1975 chạy theo chiều ngược lại, cách xe của L khoảng 100 mét. Lúc này, Phạm Văn L cho xe ô tô tải biển số 71T-xxxx lấn sang phần đường bên trái để vượt các xe mô tô cùng chiều thì đụng vào xe mô tô do Văng Đắc T điều khiển. Hậu quả: Văng Đắc T và Dương Văn P bị thương nặng phải đưa đi cấp cứu.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 80-xxx/TgT ngày 24/3/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Văng Đắc T 99%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 81-xxx/TgT ngày 24/3/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Dương Văn P 39%.

* Tại biên bản khám nghiệm hiện trường Công an huyện Mỏ Cày Bắc lập lúc 21 giờ 20 ngày 11/12/2016 xác định được:

Hiện trường nơi xảy ra tại nạn trên tỉnh lộ 882 thuộc ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Mặt đường được bê tông nhựa rộng 7,50 mét, có vạch sơn phân tuyến đứt quãng ở giữa phân chia làm hai phần đường xe chạy. Việc khám nghiệm theo hướng xe lưu thông của xe ô tô tải(hướng từ cầu Ông T ra quốc lộ 60). Các dấu vết đều đo vào vạch sơn phân tuyến đứt quãng (tim đường).

+ Xe ô tô tải biển số 71T-xxxx nằm ở phần đường bên trái, trực trước bên phải cách tim đường 0,25 mét. Trục sau bên phải trùng với tim đường và cách đầu vết cày 1 là 1,35 mét.

+ Vết cày 1 nằm ở phần đường bên trái có dạng đường cong, dài 6,20 mét. Đầu cách tim đường 0,25 mét, cách đầu vết cày 2 là 2,35 mét, cách đầu vết cày 3 là 2,80 mét và cách tâm vùng đụng là 0,20 mét. Cuối vết cày trùng với gát chân trước bên trái của xe mô tô biển số 66L7-xxxx và cách tim đường 0,70 mét.

+ Vết cày 2 dài 4,35 mét. Đầu vết cày ở phần đường bên phải, cách tim đường 0,05 mét; cuối vết cày trùng với mặt ngoài đuôi bộ phận giảm thanh của xe mô tô 66L7-xxxx và ở phần đường bên trái, cách tim đường 0,35 mét.

+ Vết cày 3 ở phần đường bên trái, có dạng đường thẳng dài 3,80 mét. Đầu vết cày cách tim đường 0,95 mét, cuối vết cày trùng với đầu tay cầm bên phải xe mô tô 66L7-xxxx và cách tim đường 1,70 mét.

+ Xe mô tô biển số 66L7-xxxx ngã ở phần đường bên trái, trực trước cách tim đường 1,15 mét. Trục sau cách tim đường 0,50 mét và cách tâm vết máu 1 là 1,20 mét.

+ Vết máu 1(M1) kích thước 0,45 x 0,30 mét nằm ở phần đường bên trái. Tâm vết máu cách tim đường 1,10 mét và cách tâm vết máu 2 là 2,90 mét.

+ Vết máu 2(M2) kích thước 0,38 x 0,15 mét nằm ở phần đường bên trái. Tâm vết máu cách tim đường 0,50 mét, cách tâm vết máu 3 là 0,95 mét.

+ Vết máu 3(M3) kích thước 0,05 x 0,15 mét nằm ở phần đường bên trái. Tâm vết máu cách tim đường 1,45 mét và cách trụ km 00 + 300 là 5,55 mét

Vùng đụng nằm ở phần đường bên trái, tâm vùng đụng cách tim đường 0,30 mét, cách đầu vết cày 1 là 0,20 mét(bút lục: 02,03).

* Kết quả khám xe ô tô tải biển số 71T-xxxx ghi nhận các dấu vết sau:

+ Kính chắn gió bị bể thụng móp chiều hướng từ ngoài vào trong, kích thước 178 x 72 cm. điểm thụng sâu nhất 10cm. sung quang điểm đụng có bám nhiều tóc, tâm điểm thụng cách đất 160cm, cách trực trước bên phải 218cm.

+ Cản gạt nước bên phải bị cong, móp

+ Đầu cabin có vết trầy xước, tróc sơn, móp thụng kích thước 90 x 47cm, điểm thụng sâu nhất 12cm. điểm thấp nhất cách đất 105cm, điểm gần nhất cách trực trước bên phải 145cm.

+ Cản nhựa đầu xe bên phải bị bung hở khỏi vị trí ban đầu dài 90cm, độ hở rộng nhất 11cm.

+ Cản kim loại phía trước đầu xe bị cong, móp biến dạng chiều hướng từ trước ra sau. Kích thước 190 x 35cm. Đầu cản trước bên trái bị bung hở khỏi vị trí ban đầu, độ hở rộng nhất 37cm. Đầu cản trước bên phải bị bung hở khỏi vị trí ban đầu, độ hở rộng nhất 75cm. Tâm điểm thụng móp cách đất 72cm, cách trực trước bên phải 157cm.

+ Biển số xe bị thụng, móp, kích thước 46 x 11cm trên vị trí đầy chữ T và đầu số 7 trong dải số 71T-xxxx và có dính sơn màu đỏ.

+ Mặt trước két nước có vết trầy xước, tróc sơn kích thước 15 x 8cm, điểm thấp nhất cách đất 42cm, tâm vết trầy xước cách trục trước bên phải 136cm.

+ Cản trước có dính mỡ về chấn búng của xe mô tô biển số 66L7-xxxx.

Động cơ còn hoạt động, hệ thống đèn, phanh, còi có tác dụng.

* Kết quả khám xe mô tô biển số 66L7-xxxx ghi nhận các dấu vết sau:

+ Bên phải vỏ xe bánh trước có vết ma sát

+ Mỡ về chấn búng, đuôi về chấn búng của bánh trước bị bể mất

+ Mặt nạ xe bị bể, nứt rời ra khỏi vị trí ban đầu.

+ Đầu đèn phía trước bị bể mất

+ Kính gương chiếu hậu bên trái bị bể mất, chân gương bị xoay

+ Vỏ bọc cao su tay cầm bên phải bị mất. Đầu tay cầm bị bể và có dấu mài mòn, trầy xước.

+ Cánh búng bên phải bị bể mất

+ Bình lọc gió xe bị mất

+ Đầu gát chân bên phải có vết trầy xước mài mòn

+ Mặt ngoài cần đạp xe có vết mài mòn

+ Mặt ngoài đuôi bộ phận giảm thanh có vết mài mòn

+ Ốp hông bên phải xe bị bể nứt và rời ra khỏi vị trí ban đầu

+ Ốp hông bên phải xe bị bể mất một đoạn và bị rời ra khỏi vị trí ban đầu

+ Cánh búng bên trái bị bể mất

+ Yên xe bị gãy rời khỏi vị trí ban đầu

+ Ghi đông xe bị cong hướng từ trước ra sau.

Động cơ không hoạt động được, không kiểm tra được an toàn kỹ thuật của phương tiện.

Quá trình điều tra xác định Phạm Văn L có giấy phép lái xe hạng C có giá trị đến ngày 18/11/2020, nồng độ cồn trong khí thở là 0,000mg/L. Xe ô tô tải biển số 71T-xxxx còn trong hạn kiểm định đến ngày 27/2/2017.

Nồng độ rượu (Ethanol) trong máu của Văng Đắc T là 223mg/100mL máu; Nồng độ rượu(Ethanol) trong máu của Dương Văn P là 229mg/100mL máu.

Tại Cáo trạng số 14/KSĐT - KT, ngày 25/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc để xét xử bị cáo Phạm Văn L về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội vẫn bảo lưu toàn bộ nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (áp dụng khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự 2015) xử phạt bị cáo Phạm

Văn L từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận giữa bị cáo Phạm Văn L, bị đơn dân sự Trà Văn L và người đại diện hợp pháp cho người bị hại Văng Đắc T là Bùi Thị T, người bị hại Dương Văn P đã thỏa thuận bồi thường xong như sau: Đã bồi thường cho người bị hại Văng Đắc T chi phí điều trị 84.786.000 đồng, tiền trợ cấp tiếp tục điều trị cho Văn Đắc T là 90.000.000 đồng, trong đó Trà Văn L bồi thường 164.986.000 đồng, Phạm Văn L bồi thường 9.800.000 đồng; Phạm Văn L đã bồi thường cho Dương Văn P chi phí điều trị 19.216.500 đồng, chi phí sửa xe 66L7-xxxx là 3.000.000 đồng; ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Phạm Thị S và bị cáo Phạm Văn L về việc bị cáo sẽ hỗ trợ cho bà S tiền chăm sóc người bị hại Văng Đắc T 10.000.000 đồng (mỗi tháng 500.000 đồng tính từ ngày 01/10/2017 cho đến khi hỗ trợ xong). Về xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Bắc đã trao trả cho Trà Văn L 01 xe mô tô tải hiệu HYUNDAI, biển số 71T-xxxx, số khung: 63L-xxxx, số máy: D4AKP-xxxxxx, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 71T-xxxx, số 0000xxx; trao trả cho Dương Văn P 01 xe mô tô hiệu HELLO@, biển số 66L-xxxx, số khung: 7100xxxx, số máy: 7X-20xxxx, 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy biển số 66L-xxxx, số 036xxx; hoàn trả cho bị cáo Phạm Văn L 01 giấy phép lái xe hạng C, số 7901232xxxxx cấp ngày 18/11/2015 mang tên Phạm Văn L.

Bị cáo Phạm Văn L khai: Bị cáo có thực hiện hành vi gây ra tai nạn giao thông dẫn đến người bị hại Văng Đắc T và Dương Văn P bị thương tật như nội dung Cáo trạng đã truy tố, bị cáo thống nhất với kết quả khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông, lỗi gây ra tai nạn là do bị cáo, sau khi gây ra tai nạn bị cáo và anh Trà Văn L đã bồi thường cho người bị hại Văng Đắc T chi phí điều trị 84.786.000 đồng, tiền trợ cấp tiếp tục điều trị cho Văn Đắc T là 90.000.000 đồng, trong đó anh L bồi thường 164.986.000 đồng, bị cáo bồi thường 9.800.000 đồng; bị cáo đã bồi thường cho Dương Văn P chi phí điều trị 19.216.500 đồng, chi phí sửa xe 66L7-xxxx là 3.000.000 đồng. Nay bị cáo đồng ý hỗ trợ cho bà Phạm Thị S tiền chăm sóc anh T là 10.000.000 đồng, mỗi tháng bị cáo sẽ hỗ trợ 500.000 đồng vào ngày 01 hằng tháng cho đến khi đủ số tiền 10.000.000 đồng, thời gian hỗ trợ đầu tiên là ngày 01/10/2017.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại Văng Đắc T là bà Phạm Thị S trình bày: Bà là mẹ ruột hiện nay đang trực tiếp chăm sóc anh T. Nay bà yêu cầu bị cáo hỗ trợ tiền chăm sóc anh T 10.000.000 đồng, bà đồng ý mỗi tháng bị cáo sẽ hỗ trợ 500.000 đồng vào ngày 01 hằng tháng cho đến khi đủ số tiền 10.000.000 đồng, thời gian hỗ trợ đầu tiên là ngày 01/10/2017.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại Văn Đắc T trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng như Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo, về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát, về trách nhiệm dân sự đề nghị ghi nhận bị cáo và anh Trà Văn L đã bồi thường xong chi phí điều trị, công chăm sóc cho người bị hại Văng Đắc T 174.786.000 đồng, ghi nhận bị cáo và bà S thỏa thuận bị cáo hỗ trợ cho bà S tiền chăm sóc anh T 10.000.000 đồng, mỗi tháng bị cáo sẽ hỗ trợ 500.000 đồng vào ngày 01 hằng tháng

cho đến khi đủ số tiền 10.000.000 đồng, thời gian hỗ trợ đầu tiên là ngày 01/10/2017.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà hôm nay bị cáo Phạm Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi gây ra tai nạn giao thông của mình. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 11/12/2016 và biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 12/12/2016, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Do đó có đủ căn cứ để xác định:

Khoảng 19 giờ ngày 11/12/2016 Phạm Văn L có giấy phép lái xe hạng C điều khiển xe ô tô tải biển số 71T-xxxx tải trọng 3.000kg lưu thông trên tỉnh lộ 882 theo hướng từ cầu Ông T ra quốc lộ 60. Khi đến khu vực ấp C, xã T, huyện M, do vượt ẩu đụng vào xe mô tô biển số 66L7-xxxx do Văng Đắc T điều khiển, chở sau Dương Văn P. Hậu quả: Tổng tỷ lệ thương tật của Văng Đắc T và Dương Văn P là 138%. Trong đó, Văng Đắc T 99%, Dương Văn P 39%. Hành vi của bị cáo Phạm Văn L đã vi phạm khoản 11, Điều 8, Điều 14 Luật giao thông đường bộ dẫn đến hậu quả hai người bị thương tật với tổng tỷ lệ 138% thuộc trường hợp gây hậu quả rất nghiêm trọng với lỗi vô ý, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì xem thường các quy tắc khi tham gia giao thông đã dẫn đến tai nạn làm hai người bị thương tật, để lại hậu quả thương tâm cho gia đình người bị hại và xã hội, mặt khác hành vi của bị cáo còn làm mất tình hình an ninh trật tự tại địa phương, tạo tâm lý hoang mang, lo âu trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông. Bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, lẽ ra bị cáo phải biết tôn trọng các quy tắc khi tham gia giao thông, góp phần bảo đảm an toàn cho bản thân và mọi người xung quanh nhưng chỉ vì có thái độ cầu thả đã dẫn đến tai nạn và hậu quả pháp lý là bị cáo phải chịu chế tài của pháp luật hình sự đối với tội phạm mà bị cáo đã thực hiện.

Trong khi nghị án để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, đại diện hợp pháp cho người bị hại Văng Đắc T là Bùi Thị T và người bị hại Dương Văn P có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại Văng Đắc T là Phạm Thị S xin cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi mẹ già và hai con còn nhỏ, trong đó có một con bị khuyết tật bẩm sinh, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận

nghèo, do đó cần áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đồng thời Hội đồng xét xử áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Sau khi xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, sau khi sự việc xảy ra bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong, bị cáo gây ra hậu quả làm hai người bị thương tật với lỗi vô ý, đại diện hợp pháp cho người bị hại, người bị hại có yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo, xét thấy trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, có nơi cư trú rõ ràng và một điều quan trọng là đại diện hợp pháp cho người bị hại, người bị hại có đơn yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo, điều đó thể hiện đại diện hợp pháp cho người bị hại, người bị hại đã phần nào cảm thông cho những lỗi lầm mà bị cáo đã gây ra, mặt khác gia đình bị cáo hiện nay gặp nhiều khó khăn, đang nuôi con còn nhỏ trong đó có một con bị bệnh tật bẩm sinh. Sau khi cân nhắc, đánh giá tính chất, các tình tiết của vụ án, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo thấy rằng có căn cứ để áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đảm bảo công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tạo điều kiện cho bị cáo học tập, lao động để trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để tạo điều kiện cho bị cáo lao động nuôi gia đình và hỗ trợ chăm sóc cho người bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận giữa bị cáo Phạm Văn L, bị đơn dân sự Trà Văn L và người đại diện hợp pháp cho người bị hại Văng Đắc T là Bùi Thị T, người bị hại Dương Văn P đã thỏa thuận bồi thường xong như sau: Đã bồi thường cho người bị hại Văng Đắc T chi phí điều trị 84.786.000 đồng, tiền trợ cấp tiếp tục điều trị cho Văn Đắc T là 90.000.000 đồng, trong đó, Trà Văn L bồi thường 164.986.000 đồng, Phạm Văn L bồi thường 9.800.000 đồng; Phạm Văn L đã bồi thường cho Dương Văn P chi phí điều trị 19.216.500 đồng, chi phí sửa xe 66L7-xxxx là 3.000.000 đồng; ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Phạm Thị S và bị cáo Phạm Văn L về việc bị cáo sẽ hỗ trợ cho bà S tiền chăm sóc người bị hại Văng Đắc T 10.000.000 đồng (mỗi tháng bị cáo sẽ hỗ trợ 500.000 đồng vào ngày 01 hằng tháng cho đến khi đủ số tiền 10.000.000 đồng, thời gian hỗ trợ đầu tiên là ngày 01/10/2017). Đối với người đại diện hợp pháp cho người bị hại Văng Đắc T là Bùi Thị T, người bị hại Dương Văn P trong quá trình điều tra không có yêu cầu bị cáo, bị đơn dân sự phải tiếp tục bồi thường thêm khoản nào khác, tại phiên tòa vắng mặt và không có ý kiến hay yêu cầu gì về vấn đề bồi thường nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Bắc đã trao trả cho Trà Văn L 01 xe mô tô tải hiệu

HYUNDAI, biển số 71T-xxxx, số khung: 63L-xxxx, số máy: D4AKP-xxxxxx, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 71T-xxxx, số 0000xxx; trao trả cho Dương Văn P 01 xe mô tô hiệu HELLO@, biển số 66L-xxxx, số khung: 7100xxxx, số máy: 7X-20xxxx, 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy biển số 66L-xxxx, số 036xxx. Xét thấy vật chứng đã được xử lý xong nên không xem xét. Đối với 01 giấy phép lái xe hạng C, số 790123249xxx cấp ngày 18/11/2015 mang tên Phạm Văn L thuộc quyền sở hữu của bị cáo và bị cáo có yêu cầu nhận lại nên căn cứ vào Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự hoàn trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại Văng Đắc T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Do bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/9/2017).

Giao bị cáo Phạm Văn L cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre là nơi bị cáo cư trú kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt và thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú để Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận giữa bị cáo Phạm Văn L, bị đơn dân sự Trà Văn L và người đại diện hợp pháp cho người bị hại Văng Đắc T là Bùi Thị T, người bị hại Dương Văn P đã thỏa thuận bồi thường xong như sau: Đã bồi thường cho người bị hại Văng Đắc T chi phí điều trị 84.786.000 đồng, tiền trợ cấp tiếp tục điều trị cho Văn Đắc T là 90.000.000 đồng, trong đó, Trà Văn L bồi thường 164.986.000 đồng, Phạm Văn L bồi thường 9.800.000 đồng; Phạm Văn L đã bồi thường cho Dương Văn P chi phí điều trị 19.216.500 đồng, chi phí sửa xe 66L7-xxxx là 3.000.000 đồng; ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Phạm Thị S và bị cáo Phạm Văn L về việc bị cáo sẽ hỗ trợ cho bà S tiền chăm sóc người bị hại Văng Đắc T 10.000.000 đồng (mỗi tháng bị cáo sẽ hỗ trợ 500.000 đồng vào ngày 01 hằng tháng cho đến khi đủ số tiền 10.000.000 đồng, thời gian hỗ trợ đầu tiên là ngày 01/10/2017).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003:

Hoàn trả cho bị cáo Phạm Văn L 01 giấy phép lái xe hạng C, số 790123249xxx cấp ngày 18/11/2015 mang tên Phạm Văn L (hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/7/2017).

Bị cáo được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- CA huyện M (3b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Những người tham gia tố tụng (6b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Việt Thiện